

Bản án số: 653/2022/KDTM-ST  
Ngày: 10/3/2022  
V/v Tranh chấp hợp đồng mua  
bán điện.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

**- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Đỗ Chí Quang.

**- Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Phạm Văn Phước.

2. Ông Nguyễn Cửu Long.

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Bùi Ngọc Tân – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:**  
Ông Hoàng Hải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/3/2022, tại phòng xử án dân sự của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, đã tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 79/2020/TLST-KDTM ngày 05 tháng 11 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán điện*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2022/QĐXXST-KDTM ngày 14/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 593/2022/QĐ-HPT ngày 11/02/2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Tổng công ty điện A.

Trụ sở: số X đường Y, phường A, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc : Số X đường Y, Phường Z, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Phạm Anh T. Giấy ủy quyền số 2862/UQ-PCCL ngày 18/11/2021.

*Bị đơn:* Công ty cổ phần S.

Trụ sở hoạt động chính: số X đường Y, phường Z, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Ngọc T - Giám đốc. Nơi cư trú: số X Lô F, đường Y, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN THẤY**

*Công bố lý do đương sự vắng mặt:*

- Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Phạm Anh T có văn bản ngày 10/3/2022 đề nghị xét xử vắng mặt họ (lý do ông Tuấn đang là F1 của dịch bệnh Covid-19). Đề nghị này của người đại diện nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn là Công ty cổ phần S (và Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Ngọc T) đã được Tòa án thông báo việc thu lý vụ án, thông báo tham gia các phiên hòa giải, và thông báo các phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn và người đại diện hợp pháp cho bị đơn đều vắng mặt, không rõ lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Cả nguyên đơn và bị đơn trong vụ án đều vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

Công ty cổ phần S (gọi tắt Công ty S) do bà Trần Thị Ngọc T đại diện bên mua điện ký kết Hợp đồng mua bán điện số 17/001094, ngày 25/8/2017 với bên bán điện là Tổng công ty điện A tại địa chỉ sử dụng điện: số X đường Y, Phường Z, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình thực hiện Hợp đồng mua bán điện số 17/001094, ngày 25/8/2017 Công ty S không tiếp tục thanh toán tiền điện phát sinh các tháng cuối năm 2019. Công ty S còn nợ Tổng công ty điện A 03 hóa đơn tiền điện sử dụng từ ngày 25/01/2019 đến ngày 24/3/2019 tại địa chỉ sử dụng điện: số X đường Y, Phường Z, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện của Tổng công ty điện A là Công ty Điện lực B đã có văn bản gửi cho Công ty S và yêu cầu thanh toán tiền điện trước ngày 06/5/2019 nhưng đến nay Công ty S vẫn không thực hiện thanh toán nợ tiền điện. Hiện nay cơ sở hoạt động của Công ty S tại địa chỉ: số X đường Y, Phường Z, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã đóng cửa, không còn hoạt động kinh doanh, sản xuất và bỏ đi khỏi địa phương (có xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B ngày 08/8/2019).

Tổng công ty điện A yêu cầu Tòa án chấm dứt Hợp đồng mua bán điện số 17/001094, ngày 25/8/2017 và buộc Công ty S phải thanh toán cho Tổng Công ty Điện lực tiền sử dụng điện của Công ty S tại địa chỉ: số X đường Y, Phường Z, Quận T, TP. Hồ Chí Minh, phát sinh từ ngày 25/01/2019 đến ngày 24/3/2019, với tổng số tiền là 53.571.512 đồng.

Công ty S phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

*Về tố tụng:* Kiểm tra việc giải quyết vụ án kinh doanh thương mại đã được thụ lý lại số 79/2020/TLST-KDTM ngày 05/11/2020, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Tòa án thụ lý vụ án ngày 05/11/2020 đến ngày

14/01/2022 Thẩm phán ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử:* Phiên tòa thủ tục tố tụng và xét xử công khai tuân thủ đúng luật định. Chủ tọa phiên tòa đã công bố ý kiến, lời khai của đương sự tại phiên tòa.

*Về các yêu cầu của đương sự:* Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ chứng cứ có tại hồ sơ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc Công ty S phải thanh toán cho Tổng công ty điện A tiền điện còn nợ là 53.571.512 đồng. Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

## **XÉT THẤY**

Sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được công bố, thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, nhận định:

*[1] Quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện:* Vụ kiện tranh chấp hợp đồng mua bán điện (hàng hóa) giữa các chủ thể có đăng ký kinh doanh là tranh chấp trong hoạt động kinh doanh thương mại, có mục đích sinh lợi là quan hệ tranh chấp kinh doanh thương mại. Hợp đồng mua bán điện số 17/001094 ngày 25/8/2017 vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

*Thẩm quyền giải quyết vụ án:* Công ty S hiện có trụ sở hoạt động kinh doanh tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo quy định tại khoản 3, Điều 30; khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*[2] Về thủ tục tố tụng:* Quá trình tố tụng vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa sơ thẩm là thuộc trường hợp được quy định tại khoản 2 điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phạm vi giải quyết vụ án: Bị đơn vắng mặt, không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn trong vụ án nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi các yêu cầu của nguyên đơn.

Thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ. Xét giải quyết vụ án sơ thẩm trong phạm vi yêu cầu và các chứng cứ của nguyên đơn giao nộp là đảm bảo nguyên tắc cung cấp chứng cứ và chứng minh trong vụ án dân sự theo quy định tại khoản 1 điều 6, điều 91, 92, 95, 96 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Xét Hợp đồng mua bán điện số 17/001094 ngày 25/8/2017 được ký bởi các chủ thể có đăng ký kinh doanh, hình thức nội dung hợp đồng phù hợp pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, các bên không phát sinh tranh chấp về các nội dung khác của hợp đồng, chỉ tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán tiền điện (tiền hàng) theo thỏa thuận tại Hợp đồng mua bán điện số 17/001094 ngày 25/8/2017. Công ty S còn nợ Tổng công ty điện A 03 hóa đơn tiền điện sử dụng từ ngày 25/01/2019 đến ngày 24/3/2019 tại địa chỉ sử dụng điện: số X đường Y, Phường Z, Quận T, Thành phố

Hồ Chí Minh, với tổng số tiền còn nợ là 53.571.512 đồng, xét thấy Công ty S vi phạm nghĩa vụ thanh toán là bên có lỗi. Hội đồng xét xử nhận thấy số nợ tiền điện này là phù hợp với chứng cứ tại hồ sơ do nguyên đơn chứng minh nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty S phải trả cho Tổng công ty điện A số nợ tiền điện còn thiếu 53.571.512 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên:* Ghi nhận và rút kinh nghiệm ý kiến của Kiểm sát viên về việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thông nhất với ý kiến của Kiểm sát viên về việc chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Công ty S phải trả cho Tổng công ty điện A số tiền điện còn nợ là 53.571.512 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*5/ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:* Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận; Nguyên đơn được trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

*Vì các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 5; khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 92; Điều 95, 96; Điều 210; khoản 1 Điều 207; Điều 227, 228 và Điều 238; Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều khoản của Hợp đồng mua bán điện số 17/001094 ngày 25/8/2017 ký kết giữa Tổng công ty điện A với Công ty S; và Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9; Điều 30 của Luật thi hành án dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc Công ty cổ phần S có trách nhiệm thanh toán cho Tổng công ty điện A tiền điện còn nợ (nợ gốc) là 53.571.512đ (*Năm mươi ba triệu, năm trăm bảy mươi một nghìn, năm trăm mười hai đồng*). Thanh toán một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

**2. Trách nhiệm thi hành án:** Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Tổng công ty điện A), cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án (Công ty cổ phần S) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quá hạn bình quân của liên ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả.

**3. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Công ty cổ phần S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trả lại cho Tổng công ty điện A toàn bộ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 3.000.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0028156 ngày 05/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

#### **4. Quyền kháng cáo:**

- Thời hạn kháng cáo của đương sự có mặt tại phiên tòa đối với bản án này là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

- Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

- Trường hợp đơn kháng cáo của đương sự được gửi qua dịch vụ bưu chính thì ngày kháng cáo được xác định căn cứ vào ngày tổ chức dịch vụ bưu chính nơi gửi đóng dấu ở phong bì.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện KSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THA DS thành phố Thủ Đức;
- TAND TP HCM;
- Lưu VT và hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Chí Quang**